

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**Năm 2008****I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Nội Dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.805.385.014.160	1.902.581.767.895
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	219.387.205.948	404.332.055.289
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	888.029.542.151	955.411.589.374
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	674.913.940.829	530.112.904.894
4. Hàng tồn kho	2.279.850.417	1.836.755.969
5. Tài sản ngắn hạn khác	20.774.474.815	10.888.462.369
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.420.603.001.338	1.205.378.370.594
1. Các khoản phải thu dài hạn	35.391.807.115	34.432.936.776
2. Tài sản cố định	198.635.291.060	176.884.636.490
- Tài sản cố định hữu hình	71.289.027.419	69.450.082.369
- Tài sản cố định vô hình	27.590.865.597	23.055.007.895
- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Chi phí XDCBDD	99.755.398.044	84.379.546.226
3. Bất động sản đầu tư	7.655.042.500	7.579.250.000
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.163.722.970.085	972.112.044.972
5. Tài sản dài hạn khác	15.197.890.578	14.369.502.356
III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I + II)	3.225.988.015.498	3.107.960.138.489
IV. NỢ PHẢI TRẢ	1.029.686.262.340	1.046.662.037.062
1. Nợ ngắn hạn	262.545.736.149	279.531.510.871
2. Nợ dài hạn	131.800.000	121.800.000
3. Dự phòng nghiệp vụ	767.008.726.191	767.008.726.191
V. VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.196.301.753.158	2.061.298.101.427
1. Vốn chủ sở hữu	2.196.301.753.158	2.052.373.567.648
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	755.000.000.000	755.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
- Các quỹ	15.652.084.484	15.652.084.484
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	292.165.594.225	148.237.408.715
3. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	8.924.533.779
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	8.924.533.779
- Nguồn kinh phí	-	-
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (IV + V)	3.225.988.015.498	3.107.960.138.489

II-B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD QUÝ 4/2008

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy Kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	516.543.170.258	2.089.081.305.674
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	128.716.279.500	728.754.273.849
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	387.826.890.758	1.360.327.031.825
4	Tổng chi phí trực tiếp kinh doanh bản hiểm	307.773.188.564	1.030.826.208.201
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.053.702.194	329.500.823.624
6	Doanh thu hoạt động tài chính	68.199.067.268	261.443.450.888
7	Chi phí tài chính	50.379.144.197	83.150.081.190
8	Chi phí bán hàng	131.014.096	368.584.000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	80.375.997.776	369.411.267.560
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.366.613.393	138.014.341.762
11	Thu nhập khác	1.170.326.158	1.581.600.357
12	Chi phí khác	37.800.215	152.172.047
13	Lợi nhuận khác	1.132.525.943	1.429.428.310
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.499.139.336	139.443.770.072
15	Thuế TNDN	2.502.239.854	13.589.672.817
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.996.899.482	125.854.097.255
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	212	1.667

Ngày 24 tháng 02 năm 2009

Lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Vũ Thị Dung

Nguyễn Phú Thủy

TS. Trần Vĩnh Đức